TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 22-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Anh Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; địa chỉ: Số 41&45 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đinh Huỳnh Khang, chức vụ: Cán bộ thu hồi nợ hiện trường của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (Giấy ủy quyền số 20/2023/UQ-OCB ngày 20/7/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N; địa chỉ: Thôn An Hồ (nay là thôn Hồ Bình), xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 31 tháng 8 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (sau đây viết tắt Ngân hàng) và anh Trần Văn N đã thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN và khế ước nhận nợ, Ngân hàng cho anh N vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay trong hạn trong 03 tháng đầu là 10,5% năm, từ tháng thứ 04 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 14/8/2022 theo canh thức tính lãi suất là: lãi suất cho vay (điều chỉnh) = lãi suất cơ sở (là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được Ngân hàng ban hành từng thời kỳ) + biên độ lãi suất (tối thiểu 3,9%/năm); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên anh Trần Văn N đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 190 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0195765, số vào sổ cấp GCN: 770 QSDĐ/HPTNAL01 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/06/1995 và thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận hồ sơ để thừa kế cho anh Trần Văn N số 001156.TK.001 ngày 04/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022 đã được công chứng và được đăng ký thế chấp theo quy định. Sau khi ký các hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Văn N số tiền 500.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 119-LC/2022/KUNN-OCB-CN ngày 14/5/2022.

Quá trình vay, anh Trần Văn N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 41.660.000 đồng, số tiền nợ lãi là 49.430.608 đồng. Sau đó anh Trần Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/4/2023. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, có văn bản yêu cầu anh Trần Văn N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng anh N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Tính đến hết ngày 22/01/2024 anh Trần Văn N còn nợ Ngân hàng số tiền là 521.626.822 đồng (trong đó: Nợ gốc là 458.340.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.116.476 đồng; nợ lãi quá hạn 3.790.934 đồng và lãi phạt: 2.379.412 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022, tính đến hết ngày 22/01/2024 anh Trần

Văn N còn nợ Ngân hàng số tiền là 521.626.822 đồng (trong đó: Nợ gốc là 458.340.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.116.476 đồng; nợ lãi quá hạn 3.790.934 đồng và lãi phạt: 2.379.412 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 23/01/2024 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp anh Trần Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 190 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0195765, số vào sổ cấp GCN: 770 QSDĐ/HPTNAL01 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/06/1995 và thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận hồ sơ để thừa kế cho anh Trần Văn N số 001156.TK.001 ngày 04/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Trần Văn N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn anh Trần Văn N có nơi cư trú tại Thôn Hồ Bình, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn N không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn N nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh N vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 280, 298, 299, 303, 317, 320, 323, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, buộc anh Trần Văn N phải trả cho Ngân

hàng Thương mại Cổ phần P số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022 tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 521.626.822 đồng (trong đó: Nợ gốc là 458.340.000 đồng, nợ lãi trong hạn 57.116.476 đồng; nợ lãi quá hạn 3.790.934 đồng và lãi phạt 2.379.412 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trường hợp anh Trần Văn N không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022 đã ký giữa anh Trần Văn N - bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 190 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Hồ Bình, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0195765, số vào sổ cấp GCN: 770 QSDĐ/HPTNAL01 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/06/1995 và thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận hồ sơ để thừa kế cho anh Trần Văn N số 001156.TK.001 ngày 04/4/2022. Anh Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng và anh Trần Văn N là tranh chấp phát sinh trong hoạt động dân sự về hợp đồng tín dụng do mục đích của một trong các bên không có lợi nhuận mà để tiêu dùng, bị đơn là anh Trần Văn N có nơi cư trú tại xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn N.

[3] Về áp dụng pháp luật: Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022 và Khế ước nhận nợ số 119-LC/2022/KUNN-OCB-CN và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022 giữa Ngân hàng và anh Trần Văn N được xác lập sau thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn và đánh giá chứng cứ:

[4.1] Đối với yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Trần Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022 tính đến hết ngày 22/01/2024 là 521.626.822 đồng (trong đó: Nợ gốc là 458.340.000 đồng, nợ lãi trong hạn 57.116.476 đồng; nợ lãi quá hạn 3.790.934 đồng và lãi phạt 2.379.412 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 23/01/2024 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022, lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định anh Trần Văn N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022 được ký giữa Ngân hàng và anh N là tự nguyện, có nội dung, mục đích và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho anh N đủ số tiền vay nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng anh N không trả được số tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Như vậy, việc khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là anh Trần Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 22/01/2024 số tiền là 521.626.822 đồng (trong đó: Nợ gốc là 458.340.000 đồng, nợ lãi trong hạn 57.116.476 đồng; nợ lãi quá hạn

3.790.934 đồng và lãi phạt 2.379.412 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 23/01/2024 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ gốc vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 190 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại Thôn Hồ Bình, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0195765, số vào sổ cấp GCN: 770 QSDĐ/HPTNAL01 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/06/1995 và thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận hồ sơ để thừa kế cho anh Trần Văn N số 001156.TK.001 ngày 04/4/2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022 được ký giữa chủ tài sản là anh Trần Văn N và Ngân hàng là tự nguyện, được công chứng và tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định, có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với các quy định tại các Điều 298, 317 của Bộ luật Dân sự và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022 có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp. Do đó, trường hợp anh Trần Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 303, 323, 500 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Văn N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 274, 280, 298, 299, 303, 317, 320, 323, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, buộc anh Trần Văn N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 119-LC/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 12/5/2022, tính đến hết ngày 22/01/2024 số tiền là 521.626.822 đồng (trong đó: Nợ gốc là 458.340.000 đồng, nợ lãi trong hạn 57.116.476 đồng; nợ lãi quá hạn 3.790.934 đồng và lãi phạt 2.379.412 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Trần Văn N không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 119-LC/2022/BĐ ngày 12/5/2022 đã ký giữa anh Trần Văn N - bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - bên nhận thế chấp.

Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 190 m^2 đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0195765, số vào sổ cấp GCN: 770 QSDĐ/HPTNAL01 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/06/1995 và thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận hồ sơ để thừa kế cho anh Trần Văn N số 001156.TK.001 ngày 04/4/2022.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho anh Trần Văn N; nếu thiếu thì anh Trần Văn N phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.866.000 đồng (đã làm tròn số). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại

Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008825 ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà